

Số: /KH-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

Ứng phó sự cố chất thải của tỉnh Kon Tum

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH:

1. Đặc điểm tình hình có liên quan đến chất thải:

- Kon Tum là tỉnh miền núi, biên giới nằm ở Bắc Tây Nguyên được tái thành lập vào tháng 8 năm 1991 (tách ra từ tỉnh Gia Lai - Kon Tum), phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía Nam giáp tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Tây giáp các tỉnh Attapur, Sê Kông (nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào) và tỉnh Ratanakiri (Vương quốc Campuchia); có đường biên giới dài 292,522 km (giáp Lào 154,222 km, giáp Campuchia 138,3 km); gồm 09 huyện và 01 thành phố; 102 xã, phường, thị trấn và 756 thôn (làng), tổ dân phố. Diện tích tự nhiên là 967.729,83 ha; dân số toàn tỉnh đến năm 2022 ước tính khoảng 579.914 người, phân theo thành thị và nông thôn: Thành thị 188.507 người, nông thôn 391.407 người.

- Địa hình của Kon Tum cao ở phía Bắc và thấp dần xuống phía Nam, đỉnh cao nhất là ngọn núi Ngọc Linh cao 2.598m. Địa hình rất đa dạng và phức tạp, với nhiều kiểu địa hình, núi cao, núi trung bình, núi thấp và vùng thung lũng đan xen nhau.

- Địa chất: Kon Tum nằm trong địa khối cổ phía nam hay gọi là địa khối cổ Kon Tum. Nền địa chất được cấu tạo từ 4 nhóm đá mẹ chủ yếu: Nhóm đá Macma axit; nhóm đá sét biến chất; nhóm đá Macma kiềm; nhóm nền địa chất bồi, dốc tụ.

- Khí hậu: Kon Tum nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhưng do nằm trên nhiều kiểu địa hình khác nhau nên Kon Tum có nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau, cụ thể: Tiểu vùng khí hậu núi cao Ngọc Linh; tiểu vùng khí hậu núi thấp Sa Thầy; tiểu vùng khí hậu máng trũng Kon Tum.

- Tài nguyên đất: Theo số liệu thống kê đất đai đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh là 967.729,83 ha; Trong đó: diện tích đất

nông nghiệp 902.391,01 ha (*chiếm 93,25% tổng diện tích đất tự nhiên*), diện tích đất phi nông nghiệp 56.063,01 ha (*chiếm 5,79% tổng diện tích đất tự nhiên*), đất chưa sử dụng 9.275,82 ha (*chiếm 0,96% tổng diện tích đất tự nhiên*). Đất đai tỉnh Kon Tum có 5 nhóm đất gồm 16 đơn vị đất, trong đó nhóm đất đỏ vàng và nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi chiếm khoảng 96% tổng diện tích.

- *Tài nguyên nước và thủy năng*: Tỉnh Kon Tum có tài nguyên nước mặt và nước ngầm tương đối phong phú nhờ sự phân bố hệ thống sông suối, địa hình, khí hậu đặc trưng của vùng. Chỉ tính riêng hệ thống sông Sê San, tổng lượng dòng chảy hàng năm đã lên tới 10 - 11 tỷ m³, cùng một mạng lưới suối, khe nhỏ dày đặc và phân bố tương đối đồng đều, tạo nên nhiều thác ghềnh. Mạng lưới thủy văn tỉnh Kon Tum khá phong phú với hệ thống sông, suối dày đặc. Hệ thống sông gồm có: sông Sê San, sông Pô Kô, sông Sa Thầy và một số sông, suối khác. Kon Tum có sông Sê San là một nhánh của sông Mê Kông. Tiềm năng thủy điện trên sông Sê San đứng thứ 3 trong hệ thống sông của Việt Nam (*sau sông Đà và sông Đồng Nai*) với tổng công suất 1.740 MW, tổng sản lượng điện trung bình 10.450 tỷ KWh/năm. Các hồ thủy điện lớn cũng là các hồ giữ nước trong mùa khô cho tưới tiêu phục vụ sản xuất, vừa triển khai nghề nuôi trồng thủy sản nước ngọt và phát triển các dịch vụ du lịch... Ngoài ra, Kon Tum còn có suối nước nóng trên 55⁰C như suối Ram Phia, suối Kon Nit... là những suối chứa rất nhiều khoáng chất có tác dụng chữa bệnh rất hiệu quả.

- *Tài nguyên khoáng sản*: Kon Tum là một tỉnh có tiềm năng lớn về tài nguyên khoáng sản, đến nay đã tổng hợp và thống kê được trên địa bàn tỉnh có 214 mỏ, 49 điểm quặng và khoáng hoá, 40 loại khoáng sản với các kim loại có nguồn gốc khác nhau như: nguyên liệu gốm sứ, vật liệu xây dựng, đá trang trí mỹ nghệ, vàng, bạc,... Một số khoáng sản có ý nghĩa quan trọng trong lĩnh vực phát triển công nghiệp then chốt của quốc gia như công nghiệp luyện kim: wolfram, molipden, sắt, nhôm, đồng, chì, kẽm; công nghiệp hạt nhân: Uran, Thori, đất hiếm; các khoáng chất công nghiệp như: Đolômit, Điatômit có khả năng khai thác và chế biến công nghiệp. Tuy nhiên, đa phần các loại khoáng sản trên còn ở dưới dạng tiềm ẩn.

2. Tính chất, quy mô đặc điểm của các cơ sở có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải trên địa bàn tỉnh: (*gồm 17 loại hình dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường công suất lớn và trung bình quy định tại Phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*)

Bảng 2.1. Danh sách các cơ sở có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải cấp tỉnh

| TT | Tên cơ sở | Địa điểm | Loại hình sản xuất | Công suất | Tình trạng hoạt động |
|----|--|---|---------------------|--------------|--------------------------|
| 1 | Công trình khai thác và tuyển quặng vàng Đăk Blô | xã Đăk Blô, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon tum. | Chế biến khoáng sản | | Đang tạm ngừng hoạt động |
| 2 | ĐTM dự án Đầu tư | Thôn Nông | Chế biến kim | 15 tấn thành | Ngừng hoạt |

| TT | Tên cơ sở | Địa điểm | Loại hình sản xuất | Công suất | Tình trạng hoạt động |
|-----------|---|---|-------------------------------|---|--|
| | cơ sở tái chế rác thải kim loại màu (Nhôm, đồng, chì) Sơn Hùng Phát | Nhà 2, ĐăkNông, Ngọc Hồi | loại | phẩm/ ngày đêm | động theo Quyết định số 107/QĐ-BQLKKT (15/11/2022) |
| 3 | Nhà máy xử lý chất thải rắn Đăk Hà | xã Hà Môn, huyện Đăk Hà, Kon Tum | Xử lý chất thải rắn sinh hoạt | 130 tấn/ngày đêm | Đang hoạt động |
| 4 | Nhà máy xử lý và tái chế rác thải tinh Kon Tum | thôn Thanh Trung, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum | Xử lý chất thải rắn sinh hoạt | 240 tấn rác sinh hoạt/ngày | Tạm ngừng hoạt động |
| 5 | Nhà máy chế biến mủ cao su Ia Chim | Xã Ia Chim, tp Kon Tum, tỉnh Kon Tum | Chế biến mủ cao su | 10.500 tấn/năm | Đang hoạt động |
| 6 | Nhà máy chế biến mủ cao su An Phú Thịnh | Thôn Nhơn Bình, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy | Chế biến mủ cao su | 12.000 tấn sản phẩm/năm | Đang hoạt động |
| 7 | Nhà máy chế biến mủ cao su Thuận Lợi | thôn 5, TT Plei kân, huyện Ngọc Hồi, Kon Tum | Chế biến mủ cao su | 19.500 tấn sản phẩm/năm | Đang hoạt động |
| 8 | Nhà máy chế biến mủ cao su số 5 (đề án) | thôn Tân Bình, xã ĐăkKan, Ngọc Hồi | Chế biến mủ cao su | 5000 tấn sp/năm | Đang hoạt động |
| 9 | Nhà máy chế biến mủ cao su số 6 | Xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum | Chế biến mủ cao su | 5000 tấn sp/năm | Đang hoạt động |
| 10 | Nhà máy chế biến mủ cao su Đại Lợi | Thôn Nông Nhày 2, ĐăkNông, Ngọc Hồi | Chế biến mủ cao su | 8000 tấn sản phẩm/năm | Đang hoạt động |
| 11 | Nhà máy chế biến mủ cao su Vạn Lợi | thôn Trung Nghĩa Đông, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum | Chế biến mủ cao su | 9.200 tấn sản phẩm/năm | Đang hoạt động |
| 12 | Nhà máy chế biến mủ cao su Ia Hdrai | xã Ia Toi, huyện Ia drai, Kon Tum | Chế biến mủ cao su | 9.000 tấn sản phẩm/năm cao su côm SVR 10&20 | |
| 13 | Nhà máy chế biến mủ cao su Sa Thầy | thôn 3, xã Ia Dal, Sa Thầy, Kon Tum | Chế biến mủ cao su | 9.000 tấn sản phẩm/năm | Đang hoạt động |
| 14 | Nhà máy chế biến tinh bột sắn Vi Na Kon Tum | Xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum | Sản xuất tinh bột sắn | 180 tấn sản phẩm/ngày | Đang hoạt động |

| TT | Tên cơ sở | Địa điểm | Loại hình sản xuất | Công suất | Tình trạng hoạt động |
|----|---|--|---|---|--------------------------|
| | | | | đêm | |
| 15 | Nhà máy cón và tinh bột sắn Đăk Tô | Thôn 1, xã Tân Cảnh, huyện Đăk Tô | Sản xuất cón và tinh bột sắn Đăk Tô | TBS: 50.000 tấn/năm Cón: 63.694.000 lit/năm | Đang hoạt động |
| 16 | Nhà máy chế biến tinh bột sắn Kon Rẫy | Xã Đăk Ruông, huyện Kon Rẫy, Kon Tum | Sản xuất tinh bột sắn | 40.000 tấn thành phẩm/năm | Đang hoạt động |
| 17 | Nhà chế biến tinh bột và xưởng sản xuất phân vi sinh Đăk Hà - Công ty TNHH Tinh bột sắn Tây Nguyên Đăk Hà | thôn Kon Gung, xã ĐăkMar, Đăkhà, Kon Tum | Sản xuất bột sắn; sản xuất phân vi sinh | - Công suất sản xuất bột sắn: 240 tấn thành phẩm/ngày đêm. - Công suất sản xuất phân vi sinh: 55 tấn thành phẩm/ngày đêm | Đang hoạt động |
| 18 | Nhà máy chế biến tinh bột từ nông sản | xã Đăk Kroong, huyện ĐăkGlei, tỉnh Kon Tum | Sản xuất bột sắn | 100 tấn tinh bột /ngày | Đang hoạt động |
| 19 | Nhà máy tinh bột sắn Sa Bình | Xã Sa Bình, huyện Sa Thầy, Kon Tum | Sản xuất bột sắn | 30.000 tấn/năm | Đang hoạt động |
| 20 | Nhà máy tinh bột sắn Kon Tum (FOCOCEV phú yên) | Thôn Nông Nhảy 2, ĐăkNông, Ngọc Hồi | Sản xuất bột sắn | 45.000 tấn tp/năm | Đang hoạt động |
| 21 | Nhà máy đường Kon Tum | Km 2, xã Vinh Quang, tp Kontum, tỉnh Kon Tum | Sản xuất mía đường | 2.500 tấn/ngày | Đang hoạt động |
| 22 | Trung tâm điều hành và trang trại chăn nuôi dê sữa công nghệ cao (quy mô 6.000 cái sinh sản) | xã Đăk Long, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum | Chăn nuôi dê sữa | quy mô 6.000 cái sinh sản | Đang tạm ngừng hoạt động |
| 23 | Trại nuôi heo Gia công, công nghiệp (HKD Cao Hoàng Hồng Hoa) | xã Đăk Tờ Kan, huyện Tu Mơ Rông | Chăn nuôi heo thịt | 2.400 con heo thịt/lứa | Đang hoạt động |
| 24 | Trang trại nuôi heo (HKD Hồ Xuân Lâm) | thôn Đăk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi | Chăn nuôi heo thịt | 9.600 con/năm | Đang hoạt động |

| TT | Tên cơ sở | Địa điểm | Loại hình sản xuất | Công suất | Tình trạng hoạt động |
|-----------|---|--|---|---|-----------------------------|
| 25 | Cơ sở chăn nuôi heo nái (HKD Nguyễn Thị Thúy Vương) | xã Ia Chim, thành phố Kon Tum, | Chăn nuôi | 400 con heo nái | Đang hoạt động |
| 26 | Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại tỉnh Kon Tum | xã Mo Rai, huyện Sa Thầy | Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao | Tổng đàn bò: 10.000 con, trong đó 5.000 con bò cho sữa; chế biến sữa công nghệ cao 48.750 tấn/năm | Đang xây dựng |
| 27 | Trại chăn nuôi heo thịt (Hộ kinh doanh Nguyễn Đức Thân) | xã NgokWang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum | Chăn nuôi heo thịt | 4.800 heo thịt/năm | Đang hoạt động |
| 28 | Trại chăn nuôi heo thịt phạm thị tuyền (Hộ kinh doanh Phạm Thị Tuyền) | xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum | Chăn nuôi heo thịt | 4.800 heo thịt/năm | Đang hoạt động |
| 29 | Sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thôn Trung Nghĩa Tây, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum | thôn Trung Nghĩa Tây, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum | Chăn nuôi heo thịt và sản xuất cây giống ăn quả | Chăn nuôi 900 con heo thịt/lứa và 2.500 cây giống ăn quả/năm. | Đang hoạt động |
| 30 | Trang trại Chăn nuôi công nghệ cao Đăk Rơ Nga | thôn Đăk Manh II, xã Đăk Rơ Nga, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum | Heo thương phẩm, heo nái sinh sản và heo giống | 62.500 con heo/năm; 20.000 con heo thịt/năm | Chưa hoạt động |
| 31 | Trang trại chăn nuôi công nghệ khép kín Đăk Rơ Nga 3 | thôn Đăk Manh II, xã Đăk Rơ Nga, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum | Chăn nuôi heo thịt | 39.000 con/năm | Chưa hoạt động |
| 32 | Trang trại chăn nuôi Duyên Thịnh Phát | xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | Chăn nuôi heo thịt | 25.000 con heo thịt/đợt, một năm 3 đợt. | Đang hoàn thiện thủ tục |
| 33 | Trang trại chăn nuôi heo thịt công nghệ cao (Công ty Hưng Thành Phát) | thôn K'Bay, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum | Chăn nuôi heo thịt | 8.000 con heo thịt/đợt, một năm 2 đợt. | Đang hoàn thiện thủ tục |
| 34 | Trang trại chăn nuôi công nghệ khép kín | xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy, | Chăn nuôi heo con giống | 5.000 con heo nái, | Đang hoàn |

| TT | Tên cơ sở | Địa điểm | Loại hình sản xuất | Công suất | Tình trạng hoạt động |
|-----------|---|---|---------------------------|----------------------------------|-----------------------------|
| | Hơ Moong (Công ty TNHH Ba Farm Kon Tum) | tỉnh Kon Tum | | tương đương 125.000 heo con/năm | thiện thủ tục |
| 35 | Trang trại chăn nuôi heo thịt tại thôn 8, xã Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum (HKD Bùi Thị Mai Hoàng) | Thôn 8, xã Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum | Chăn nuôi heo thịt | 2.400 con/lứa (1 năm nuôi 2 lứa) | Đang hoàn thiện thủ tục |

3. Thực trạng lực lượng, phương tiện ứng phó chất thải của tỉnh:

a) Lực lượng, phương tiện chuyên trách: Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh.

b) Lực lượng, phương tiện kiêm nhiệm:

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh;
- Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Giao thông Vận tải, Tài chính, Khoa học và Công nghệ.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

- Các đơn vị cung ứng dịch vụ ứng phó sự cố chất thải.

4. Dự kiến các khu vực nguy cơ cao:

a) Chất thải rắn: Khu vực bãi rác huyện Đăk Hà, Khu vực bãi xử lý rác thải thành phố Kon Tum.

b) Chất thải lỏng: Nhà máy chế biến tinh bột sắn Ia H'Drai; Nhà máy chế biến mủ cao su Ia Chim, Trang trại chăn nuôi Duyên Thịnh Phát.

c) Chất thải khí: Nhà máy Đường Kon Tum, Nhà máy sản xuất cồn và tinh bột sắn huyện Đăk Tô.

5. Kết luận:

Tỉnh Kon Tum hiện chưa có trang thiết bị chuyên dụng dùng riêng cho ứng phó sự cố chất thải, công tác ứng phó sự cố chất thải chủ yếu dựa trên các phương tiện và thiết bị có sẵn trang bị cho Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh; các thiết bị chuyên dùng của lực lượng Công an, Quân đội. Do đó, khả năng ứng phó của địa phương ở mức độ trung bình.

III. TỔ CHỨC, LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN ỨNG PHÓ

1. Tư tưởng chỉ đạo: “Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả”.

2. Nguyên tắc ứng phó:

- Tích cực phòng ngừa, chủ động xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các nguồn lực, các phương án hiệp đồng để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố chất thải;

- Tổ chức tiếp nhận, xử lý kịp thời thông tin sự cố chất thải, ưu tiên bảo đảm thông tin cho hoạt động ứng phó, báo cáo kịp thời đến cơ quan có thẩm quyền khi vượt khả năng ứng phó;

- Ứng phó sự cố chất thải được thực hiện theo phương châm “bốn tại chỗ” và “ba sẵn sàng” quy định tại pháp luật phòng, chống thiên tai; phối hợp, huy động mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả hoạt động chuẩn bị và ứng phó sự cố;

- Chỉ huy thống nhất, phối hợp và hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động ứng phó sự cố chất thải;

- Tổ chức, cá nhân gây sự cố chất thải chịu trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức ứng phó sự cố, cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác do sự cố gây ra theo quy định của pháp luật.

3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả:

a) Biện pháp phòng ngừa:

- Xây dựng lực lượng chuyên trách, lực lượng kiêm nhiệm, tăng cường hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm về dự báo, cảnh báo, ứng phó, khắc phục sự cố chất thải. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư để nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó cho các lực lượng của địa phương.

- Nâng cao năng lực quan trắc, cảnh báo, thông báo, báo động sự cố tại địa phương, tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các khu công nghiệp, chế xuất, nhà máy, làng nghề...vi phạm quy định về quản lý, xử lý chất thải.

- Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, hiệp đồng giữa các lực lượng trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố chất thải.

b) Biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả:

- Xác định và đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố môi trường trên địa bàn; các kịch bản ứng phó với từng loại sự cố có thể xảy ra gây nguy hại cho con người, môi trường trên địa bàn quản lý;

- Sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ ngăn chặn, hạn chế chất thải phát tán ra môi trường (như: sử dụng bao cát, vật liệu có sẵn tại chỗ kịp thời triển khai đắp bờ, đào rãnh ngăn chặn..., không cho chất thải, lỏng phát tán ra môi trường; sử dụng phương tiện chuyên dụng, hệ thống bơm để thu chất thải về bể chứa, hồ chứa...).

- Xử lý chất thải bằng phương pháp sử dụng công nghệ, như: Hấp thụ bằng các vật liệu hấp thụ tương ứng phù hợp như dung dịch kiềm, nước; hấp thụ bằng các vật liệu hấp thụ như than hoạt tính, geolit...; xử lý khí thải bằng công nghệ UV để xử lý các loại khí độc (Hydrogen sulfide, Mercaptans, Sulfide, Amoniac) hoặc xử lý khí thải bằng công nghệ Plasma nhằm giảm nồng độ bụi trong không khí,

loại bỏ khí độc hại... ngăn chặn, dừng phát tán chất thải ra môi trường (đối với chất thải khí).

4. Tổ chức sử dụng lực lượng:

Tổ chức sử dụng lực lượng chuyên trách, lực lượng kiêm nhiệm ứng phó sự cố, cụ thể:

- Lực lượng quan sát, giám sát, tiếp nhận thông tin và cảnh báo, thông báo, báo động;

- Lực lượng ứng phó, khắc phục hậu quả:

- + Lực lượng sơ tán người, tài sản đến nơi an toàn:

- + Lực lượng ứng phó tại chỗ: Sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ để hạn chế không cho chất thải phát tán ra môi trường; Đánh giá mức độ ô nhiễm và triển khai các biện pháp khắc phục ô nhiễm; đồng thời, thông báo ngay cho cơ quan cấp trên để phối hợp xử lý.

- + Lực lượng tăng cường, phối hợp;

- + Lực lượng bảo đảm an ninh, trật tự khu vực sự cố;

- + Lực lượng bảo đảm hậu cần, y tế.

III. DỰ KIẾN TÌNH HUỐNG, BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Tình huống: Dự kiến tình huống ở đâu; xảy ra sự cố gì; mức độ ảnh hưởng.

a) Sự cố chất thải rắn thông thường (CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp...)

Tình huống: Do công trình xử lý, lưu giữ tại Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt gặp sự cố gây hư hỏng kết hợp với mưa, bão, lũ bất thường làm tràn đổ chất thải ra môi trường.

b) Sự cố chất thải lỏng (bùn thải, nước thải)

- Tình huống 1: Do mưa, bão bất thường làm hồ chứa nước thải của các Nhà máy, trang trại chăn nuôi bị sạt lở thân đập, nước thải chưa qua xử lý chảy ra môi trường và khu vực canh tác.

c) Sự cố chất thải khí (khí thải)

Tình huống: Sự cố cháy kho hóa chất, chất thải nguy hại làm phát tán hóa chất độc, khói độc ra môi trường.

2. Biện pháp xử lý: Khi nhận được thông tin về sự cố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo lực lượng, phương tiện tại chỗ tổ chức ứng phó thành các bước sau:

Bước 1. Tiếp nhận thông tin, đánh giá, kết luận tình hình, xác định phương án ứng phó.

Bước 2. Vận hành cơ chế.

Bước 3. Thiết lập Sở chỉ huy.

Bước 4. Tổ chức ứng phó sự cố:

- Lực lượng quan sát, giám sát, tiếp nhận thông tin và cảnh báo, thông báo, báo động: Sử dụng lực lượng của Sở/Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương.

- Lực lượng sơ tán phương tiện và người dân ra khỏi khu vực sự cố: Sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ, gồm: Bộ (Ban) chỉ huy Quân sự, Công an tỉnh, huyện, nhân dân địa phương;

- Lực lượng ứng phó tại chỗ: Sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ, gồm: Bộ (Ban) chỉ huy Quân sự, Công an tỉnh, huyện, các Sở (Phòng), ban, ngành, các cơ quan, đơn vị đóng chân trên địa bàn;

- Lực lượng tăng cường, phối hợp: Lực lượng của trên, các cơ quan, đơn vị đóng quân trên địa bàn và các địa phương lân cận;

- Lực lượng khắc phục hậu quả: Sử dụng lực lượng, phương tiện của lực lượng vũ trang (công an, quân đội) và các đoàn thể, nhân dân địa bàn nơi xảy ra sự cố.

- Lực lượng bảo đảm an ninh, an toàn khu vực sự cố: Sử dụng lực lượng Công an chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương;

- Lực lượng bảo đảm hậu cần, y tế: Sử dụng lực lượng Công Thương, Y tế chủ trì, phối hợp với các lực lượng thực hiện nhiệm vụ ứng phó.

IV. NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

1. Nhiệm vụ chung:

2. Nhiệm vụ cụ thể:

a) Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh:

- Chủ trì, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải của tỉnh; kiểm tra, đôn đốc việc chuẩn bị và sẵn sàng tổ chức ứng phó sự cố; tổ chức huấn luyện, diễn tập ứng phó sự cố chất thải.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương tổ chức ứng phó sự cố chất thải cấp tỉnh; Chỉ đạo lực lượng tại chỗ của tỉnh (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, các cơ quan chức năng của tỉnh...) phối hợp với chính quyền địa phương và nhân dân nơi xảy ra sự cố nhanh chóng sơ tán người, phương tiện và tài sản ra khỏi khu vực xảy ra sự cố, phong tỏa hiện trường, kịp thời thông tin, định hướng dư luận.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đầu tư mua sắm trang thiết bị, vật tư chuyên dụng và chỉ đạo công tác tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập ứng phó sự cố chất thải.

- Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của các lực lượng trong tỉnh, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định việc yêu cầu cơ quan cấp trên trợ giúp.

b) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

- Chỉ đạo lực lượng thuộc ngành quản lý tại các huyện, thành phố sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó sự cố chất thải khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền. Đảm bảo an toàn về người và tài sản, an ninh trật tự tại khu vực xảy ra sự cố.

- Hàng năm tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập, đào tạo lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm; phối hợp và làm tốt công tác truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.

c) Công an tỉnh:

- Chủ trì, chỉ đạo Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm môi trường, Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cảnh sát điều tra các cấp, Công an các địa phương sẵn sàng tham gia ứng phó sự cố chất thải theo yêu cầu của cơ quan, cấp có thẩm quyền.

- Chỉ đạo và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội khu vực xảy ra sự cố; điều tra, làm rõ nguyên nhân gây ra sự cố theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập, đào tạo lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm ứng phó sự cố chất thải (lồng ghép xây dựng kế hoạch, tập huấn, huấn luyện, diễn tập trong các kế hoạch khác của Công an tỉnh); phối hợp và làm tốt công tác truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp với Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh tổ chức hoạt động ứng phó sự cố môi trường cấp tỉnh, do chất thải gây ra.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hướng dẫn việc xác định thiệt hại về môi trường; hướng dẫn các địa phương khắc phục hậu quả, phục hồi môi trường sau sự cố.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về sự cố chất thải, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.

- Cử cán bộ tham gia tập huấn, diễn tập nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác ứng phó sự cố chất thải.

- Tổ chức thực hiện tốt chương trình quan trắc môi trường của tỉnh.

- Hướng dẫn các cơ sở có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp cơ sở phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quyết định phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường.

đ) Sở Công Thương:

- Tổ chức hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố chất thải cấp tỉnh do rò rỉ, phát tán hóa chất độc trong lĩnh vực công nghiệp.

- Cử cán bộ tham gia tập huấn, diễn tập nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác ứng phó sự cố chất thải.

- Phối hợp và làm tốt công tác truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và địa phương về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố chất thải do rò rỉ, phát tán hóa chất độc trong lĩnh vực công nghiệp.

e) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Hướng dẫn, chỉ đạo ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố chất thải trong phạm vi quản lý; tổ chức tập huấn, diễn tập, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về ứng phó, khắc phục sự cố chất thải và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Cử cán bộ tham gia tập huấn, diễn tập nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác ứng phó sự cố chất thải.

ê) Sở Giao thông vận tải:

- Chủ trì, phối hợp với Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh, các Sở, ngành và địa phương triển khai các phương án về sử dụng hạ tầng giao thông, các trang thiết bị, phương tiện, vật tư vận tải trong phạm vi phụ trách tham gia ứng phó sự cố môi trường.

- Cử cán bộ tham gia tập huấn, diễn tập nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác ứng phó sự cố chất thải.

g) Sở Khoa học và Công nghệ:

- Tổ chức hoạt động, tham gia ứng phó sự cố liên quan đến chất thải phóng xạ cấp tỉnh do kinh doanh, vận chuyển, rò rỉ chất phóng xạ.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương hướng dẫn công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố liên quan đến chất thải phóng xạ do kinh doanh, vận chuyển, rò rỉ chất phóng xạ.

- Cử cán bộ tham gia tập huấn, diễn tập nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác ứng phó sự cố chất thải phóng xạ.

h) Sở Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương hướng dẫn các quy hoạch, kế hoạch, chương trình bảo vệ môi trường, quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn và khu công nghiệp; quản lý xây dựng hạ tầng kỹ thuật thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn và triển khai thực hiện hiệu quả trong lĩnh vực thuộc bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn và khu công nghiệp; quản lý xây dựng hạ tầng kỹ thuật thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn trong lĩnh vực thuộc bộ quản lý.

- Cử cán bộ tham gia tập huấn, diễn tập nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác ứng phó sự cố chất thải.

i) Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổng hợp, bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố chất thải, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp ngân sách hiện hành, quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Trên cơ sở đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bộ Tài chính ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành định mức, trình tự, thủ tục chi trả cho các hoạt động chuẩn bị ứng phó, tổ chức ứng phó sự cố và cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố.

k) Sở Y tế

- Chỉ đạo, tăng cường công tác phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

- Nghiên cứu, đánh giá các nguy cơ lây nhiễm đối với chất thải y tế và xây dựng các biện pháp phòng ngừa tương ứng.

- Cử cán bộ tham gia tập huấn, diễn tập nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác ứng phó sự cố chất thải.

l) Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho toàn dân về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.

- Chủ trì, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc quyền phối hợp với các Sở, ngành và địa phương tổ chức bảo đảm thông tin liên lạc, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành các hoạt động ứng phó, tìm kiếm cứu nạn.

m) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương trong công tác thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án đầu tư công phục vụ nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn các Sở, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, làm cơ sở để các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải của tỉnh.

n) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chủ trì, chỉ đạo, tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp tỉnh; xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp huyện theo quy định.

- Tổ chức quản lý chất thải trên địa bàn quản lý; phân công trách nhiệm quản lý cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường và phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã về quản lý chất thải theo quy định; chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất thải trên địa bàn theo thẩm quyền.

- Làm tốt công tác truyền thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, phổ biến kiến thức phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại địa phương.

- Xây dựng lực lượng ứng phó sự cố chất thải, bảo đảm nguồn nhân lực, phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố và sẵn sàng tham gia ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn.

- Chỉ đạo, tổ chức và huy động các lực lượng có liên quan ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn; đánh giá, xác định thiệt hại, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, yêu cầu chủ cơ sở gây ra sự cố chất thải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật,

- Tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập về ứng phó sự cố chất thải tại địa phương (cho phép việc lồng ghép xây dựng kế hoạch, tập huấn, diễn tập ứng phó sự cố chất thải trong các kế hoạch khác của địa phương).

- Định kỳ (một năm một lần) sơ kết, tổng kết đánh giá công tác quản lý, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố chất thải báo cáo về Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh.

o) Các cơ sở

- Chủ dự án đầu tư, cơ sở (*thuộc cột 3, cột 4 Phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*) có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải cấp cơ sở phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường (*theo mục 1 Điều 109 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022*).

- Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

- Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố chất thải.

V. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM

1. Thông tin liên lạc

- Bảo đảm thông tin cho chỉ huy, chỉ đạo:

+ Văn phòng thường trực Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự đảm bảo bố trí người trực 24/24, các đường dây điện thoại, fax luôn ở chế độ mở máy bảo đảm thông tin được xuyên suốt.

+ Trang bị máy bộ đàm cho đơn vị tìm kiếm cứu nạn, tiếp cận hiện trường đầu tiên và người chỉ huy hiện trường để đảm bảo thông tin liên lạc.

- Bảo đảm thông tin liên lạc cho lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố, phục hồi môi trường sau sự cố: Các thành viên của Sở chỉ huy cơ bản, Sở chỉ huy tại hiện trường phải đảm bảo thông tin liên lạc khi xảy ra sự cố.

2. Trang thiết bị ứng phó ứng phó sự cố:

- Khi có sự cố xảy ra, Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự có thể huy động, điều động các phương tiện, trang thiết bị tham gia ứng phó sự cố chất thải từ các đơn vị trong tỉnh hoặc có thể huy động sự trợ giúp từ các nguồn lực bên ngoài tỉnh.

3. Cơ sở vật chất cho các đơn vị tham gia ứng phó:

- Đảm bảo người thực hiện công tác ứng cứu trực tiếp đã được qua huấn luyện và diễn tập.

- Đảm bảo công tác an ninh, phân luồng cho các phương tiện giao thông thủy, bảo vệ hiện trường, Phòng chống cháy nổ khi đang ứng cứu.

- Người thực hiện công tác ứng cứu được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ.

4. Tổ chức y tế, thu dung cấp cứu người bị nạn

- Huy động hệ thống các bệnh viện trên địa bàn tỉnh; các cơ sở khám và điều trị bệnh; Trung tâm Y tế dự phòng để thu dung cấp cứu người bị nạn.

VI. TỔ CHỨC CHỈ HUY

1. Sở chỉ huy thường xuyên (cơ bản)

- Địa điểm: Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Địa chỉ: số 492 Trần Phú, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Thành phần, gồm: Trưởng ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh; Lãnh đạo Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Lãnh đạo Công an tỉnh; Lãnh đạo các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Công thương; Giao thông vận tải; Y tế; Khoa học và Công nghệ.

- Nhiệm vụ: Chỉ huy, chỉ đạo các lực lượng tham gia ứng phó, khắc phục sự cố chất thải kịp thời, hiệu quả.

2. Sở chỉ huy tại hiện trường

- Địa điểm: Tại hiện trường nơi xảy ra sự cố.

- Thành phần: Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện; đại diện các phòng, ban chuyên môn do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo ứng phó, khắc phục hậu quả (Trường hợp cần

thiết có sự tham gia, chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh; Lãnh đạo thuộc các Sở, ngành liên quan).

- Nhiệm vụ: Đánh giá, kết luận tình hình, xác định phương án ứng phó, khắc phục hậu quả; báo cáo kết quả về Sở chỉ huy cơ bản để cập nhật tình hình và kịp thời chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN;
- BCĐ Trung ương về Phòng, chống thiên tai và TKCN;
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN;
- Lưu: VT, NNTN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

a, Trường hợp 1: Sự cố môi trường nằm trong khả năng ứng phó của cơ sở:

Bước 1: Người phát hiện sự cố ngay lập tức báo cáo cho chủ cơ sở hoặc người được chủ cơ sở ủy quyền;

Bước 2: Chủ cơ sở phải bố trí nhân lực, vật lực, phương tiện và chỉ đạo lực lượng ứng phó tại chỗ thực hiện ngay các biện pháp khắc phục sự cố, bảo đảm hạn chế tối đa thiệt hại về người và môi trường; tổng hợp, đánh giá tình hình sự cố để báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b, Trường hợp 2: Sự cố môi trường vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở:

Bước 1: Chủ cơ sở phải thông báo ngay đồng thời cung cấp chi tiết các thông tin liên quan đến sự cố cho chính quyền địa phương (nơi xảy ra sự cố), Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp (đối với cơ sở nằm trong khu công nghiệp) Ban Quản lý cụm công nghiệp (đối với cơ sở nằm trong cụm công nghiệp) và Sở Tài nguyên và Môi trường;

Bước 2: Cơ quan quản lý môi trường các cấp khi tiếp nhận và xác nhận thông tin về sự cố môi trường, cử đoàn công tác xuống ngay hiện trường, làm công tác tham mưu, tư vấn về chuyên môn để giảm thiểu các thiệt hại về môi trường do sự cố gây ra;

Bước 3: Trưởng Ban Chỉ huy ứng phó sự cố môi trường có trách nhiệm tổ chức việc xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế tại hiện trường; phân công, giao trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ huy; chỉ huy, điều động các lực lượng tham gia ứng phó sự cố; bổ nhiệm người chỉ huy tại hiện trường phù hợp với từng tình huống cụ thể; tổng hợp, đánh giá tình hình sự cố để báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

c, Trường hợp 3: Sự cố môi trường vượt quá khả năng ứng phó của huyện, thành phố:

Bước 1: Chủ tịch UBND huyện, thành phố phải báo cáo khẩn cấp UBND tỉnh để đề nghị hỗ trợ.

Bước 2: Trưởng Ban Chỉ huy ứng phó sự cố của tỉnh tổ chức chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế tại hiện trường; phân công, giao trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ huy; chỉ huy, điều động các lực lượng tham gia ứng phó sự cố; bổ nhiệm người Chỉ huy tại hiện trường phù hợp với từng tình huống cụ thể; tổng hợp, đánh giá tình hình sự cố để báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

d, Trường hợp 4: Sự cố môi trường vượt quá khả năng ứng phó của tỉnh:

Trong trường hợp sự cố vượt quá khả năng ứng phó của tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phải báo cáo khẩn cấp tới cấp cao hơn theo quy định của Nghị định số [30/2017/NĐ-CP](#) ngày 21/03/2017 của Chính phủ về quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

Khắc phục sự cố môi trường

Là giai đoạn sự cố đã hoàn toàn được kiểm soát và không có khả năng tái phát trở lại. Trong giai đoạn này, các tổ chức, cá nhân tham gia ứng phó sự cố có vai trò, trách nhiệm như sau:

– Sau khi thực hiện quá trình chuyển từ giai đoạn ứng phó khẩn cấp sang giai đoạn khắc phục hậu quả, Cơ quan quản lý môi trường kiểm tra đánh giá lại hiện trạng và mức độ ô nhiễm để tham mưu cho Ban chỉ huy ứng phó sự cố các cấp về việc thực hiện các hành động can thiệp cần thiết để can thiệp nhanh hoặc bỏ các biện pháp can thiệp, hoặc phục hồi môi trường trên cơ sở thực tế;

- Chỉ huy hiện trường các cấp căn cứ vào tình hình cụ thể và tham mưu của cơ quan quản lý môi trường quyết định việc hủy bỏ các biện pháp hạn chế, can thiệp, phục hồi môi trường;
- Cơ sở xảy ra sự cố môi trường phải thực hiện tổng hợp các thông tin thiệt hại liên quan đến con người, tài sản và hỗ trợ trong quá trình khắc phục và điều tra sự cố;
- Trưởng Ban ứng phó, khắc phục sự cố môi trường là người có thẩm quyền công bố các thông tin về việc tiếp tục đưa hoạt động kinh tế xã hội trở lại trạng thái bình thường khi việc khắc phục sự cố môi trường hoàn tất.

Xây dựng năng lực ứng phó sự cố môi trường

- Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ra sự cố môi trường phải đầu tư xây dựng hạ tầng, mua sắm thiết bị phương tiện phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của đơn vị để đáp ứng được yêu cầu bảo vệ môi trường và ứng phó với các sự cố có thể xảy ra trong quá trình hoạt động. Trong đó cần quan tâm đến ứng phó với những tác động ảnh hưởng đến sức khỏe của con người (trong và ngoài) cơ sở.
 - Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh: Chủ động xây dựng năng lực ứng phó sự cố môi trường và hệ thống thiết bị cảnh báo theo ngành, lĩnh vực phụ trách và địa bàn quản lý.
- Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích xã hội hóa đầu tư công trình bảo vệ môi trường, tham gia dịch vụ công ích để thực hiện ứng phó sự cố môi trường, khắc phục, hạn chế ô nhiễm môi trường.